

Bản án số: 247/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2019

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN F, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước Thuận

2. Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường – Thư ký Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 592/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/8/2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HPT ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Ánh T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ : 28 Đường số 53, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Ông Phùng Văn S, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 28 Đường số 53, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Ánh T trình bày: Bà và ông Phùng Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện BT, tỉnh Bến Tre (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 cấp ngày 09/6/2011).

Sau khi cưới, bà T và ông S chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại nhà thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 4 năm 2016, bà T và ông S dọn về ở cùng với gia đình chị ruột của bà T tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông S không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm nhiều ngày mới về, bà T có tìm hiểu nhưng không rõ ông S đi đâu và đi với ai. Hơn nữa, bà T phải tự mình làm việc lo cho các con, không có sự hỗ trợ từ ông S làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt, hai bên bất đồng quan điểm về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù hai bên đã tự hòa giải hằn gấn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông S có với nhau 02 con chung tên Phùng Thiên A, sinh ngày 12/02/2014 và Phùng Đức P, sinh ngày 16/4/2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Thiên A và Đức P cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận bà và ông S không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Phùng Văn S đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Ánh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn ông Phùng Văn S vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Dương Thị Ánh T và ông Phùng Văn S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Ánh T được ly hôn với ông Phùng Văn S. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phùng Thiên A, sinh ngày 12/02/2014 và Phùng Đức P, sinh ngày 16/4/2016 cho bà Dương Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Ánh T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Dương Thị Ánh T đối với bị đơn ông Phùng Văn S có nơi cư trú tại Quận F nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân: theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã MT, huyện BT, tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/6/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị Ánh T và ông Phùng Văn S đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn bà Dương Thị Ánh T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 4 năm 2016 do ông S không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình, ông S thường xuyên bỏ nhà đi qua đêm nhiều ngày mới về, bà T phải tự mình lo cho các con, không có sự hỗ trợ từ ông S nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau, từ đó bất đồng quan điểm về mọi mặt, tình cảm vợ chồng ngày càng phát nhạt, đôi bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 4 năm 2016 cho đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông S nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Phía bị đơn ông Phùng Văn S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T, ông S đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về nhiều mặt, vợ chồng không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt và đã ly thân cho đến nay. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà T, ông S hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ cũng như lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của ông S nhưng phía bị đơn ông Phùng Văn S vắng mặt không lý do, do vậy Tòa án không tiến hành ghi nhận lời khai, hòa giải được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Dương Thị Ánh T và ông Phùng Văn S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

[5]. Về con chung: Bà Dương Thị Ánh T và ông Phùng Văn S có với nhau 02 con chung tên Phùng Thiên A, sinh ngày 12/02/2014 và Phùng Đức P, sinh

ngày 16/4/2016. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con hai con chung cho đến khi thành niên và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng bà T và ông S đã ly thân từ năm 2016, hai cháu Thiên A và Đức P đang được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cả hai cháu đều chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không xem xét nguyện vọng của hai cháu. Vì lợi ích về mọi mặt của hai cháu, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai cháu Phùng Thiên A, sinh ngày 12/02/2014 và Phùng Đức P, sinh ngày 16/4/2016 cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Ánh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Ánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Ánh T và ông Phùng Văn S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, 14, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Ánh T đối với ông Phùng Văn S.

2. Về con chung: Giao cho bà Dương Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Phùng Thiên A, sinh ngày 12/02/2014 và Phùng Đức P, sinh ngày 16/4/2016 cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Thị Ánh T không yêu cầu ông Phùng Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phùng Văn S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Dương Thị Ánh T.

Ông Phùng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Phùng Văn S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Dương Thị Ánh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Phùng Văn S.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Ánh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Ánh T nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được tính vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010228 ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyền số 01 do UBND xã MT, huyện BT, tỉnh Bến Tre cấp ngày 09/6/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Bà Dương Thị Ánh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phùng Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận F;
- CCTHADS Quận F;
- Ủy ban nhân dân xã MT, huyện BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình